

Số: /QĐ-CĐSP

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế tuyển sinh ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng của trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa – Vũng Tàu

Căn cứ vào nhiệm vụ và quyền hạn của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sư phạm quy định tại Điều 10, Điều lệ Trường Cao đẳng ban hành kèm theo Thông tư số 23/2022/TT – BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 06/2026/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 02 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng;

Căn cứ Biên bản họp ngày 23/3/2026 của Hội đồng Khoa học và Đào tạo về việc thông qua Quy chế tuyển sinh ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng của trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa – Vũng Tàu;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo – Bồi dưỡng và Hợp tác quốc tế, trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa - Vũng Tàu.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy chế tuyển sinh ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng của trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa – Vũng Tàu.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và áp dụng trong công tác tuyển sinh ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng từ năm 2026 của Trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa – Vũng Tàu.

Điều 3. Trưởng phòng Đào tạo – Bồi dưỡng và Hợp tác quốc tế, trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo trường (b/c);
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐTBĐHTQT.

Q. HIỆU TRƯỞNG

TS. Phan Thế Hải

QUY CHẾ

Tuyển sinh ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng của Trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa – Vũng Tàu

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-CĐSP ngày tháng 5 năm 2026
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa – Vũng Tàu)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về nguồn tuyển; chính sách ưu tiên; ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào; phương thức tuyển sinh; quy trình, nguyên tắc và yêu cầu; đăng ký xét tuyển, xét tuyển, xét tuyển bổ sung; trúng tuyển, xác nhận nhập học, bảo lưu kết quả trúng tuyển; quyền hạn và trách nhiệm của các bên liên quan trong công tác tuyển sinh ngành Giáo dục Mầm non.

2. Quy chế này áp dụng đối với các đơn vị và cá nhân có liên quan đến công tác tuyển sinh ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng của Trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa – Vũng Tàu.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong văn bản này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Phạm vi tuyển sinh* là chương trình đào tạo ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng hệ chính quy được tổ chức tuyển sinh trong một đợt, hoặc theo một phương thức tuyển sinh nhất định.

2. *Cổng Thông tin tuyển sinh* của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) là giao diện trang điện tử (website) của Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung; là một phần của cơ sở dữ liệu ngành về giáo dục đại học.

3. *Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung* của Bộ GDĐT là hệ thống phần mềm hỗ trợ đăng ký nguyện vọng xét tuyển, trao đổi dữ liệu xét tuyển, xử lý nguyện vọng và quản lý dữ liệu trúng tuyển, nhập học của các cơ sở đào tạo.

4. *Mã trường* trong tuyển sinh là một mã quy ước gồm 03 ký tự chữ hoặc số thống nhất toàn quốc dùng để định danh tuyển sinh một cơ sở đào tạo; phân hiệu hoặc đơn vị đào tạo thuộc, trực thuộc cơ sở đào tạo có bộ máy quản lý được lập mã tuyển sinh riêng.

5. *Mã xét tuyển* là một mã quy ước định danh của một chương trình (hoặc một ngành hoặc một nhóm ngành hoặc lĩnh vực hoặc cơ sở đào tạo) sử dụng thống nhất trong một cơ sở đào tạo, phân hiệu hoặc một đơn vị đào tạo thuộc, trực thuộc cơ sở đào tạo. Mã xét tuyển do cơ sở đào tạo tự quy ước và tối đa không quá 09 ký tự bao gồm ký tự số và ký tự chữ.

6. *Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông* là kỳ thi được tổ chức theo Quy chế thi tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) hằng năm.

7. *Kỳ thi tuyển sinh* là kỳ thi được tổ chức gắn với quy trình xét tuyển, lấy kết quả thi làm căn cứ duy nhất hoặc kết hợp với các tiêu chí khác để xét tuyển.

8. *Kỳ thi độc lập* là kỳ thi được thiết kế và tổ chức độc lập với quy trình xét tuyển, lấy kết quả thi làm căn cứ xét tuyển độc lập hoặc xét tuyển kết hợp hoặc sử dụng làm điều kiện để xét tuyển.

9. *Kỳ thi bổ trợ* là kỳ thi được tổ chức bổ sung cho phương thức tuyển sinh (thi năng khiếu, thi tài năng, phỏng vấn) để lấy kết quả làm một căn cứ hoặc một tiêu chí phục vụ xét tuyển; có thể tổ chức theo hình thức thi trực tiếp hoặc trực tuyến; cơ sở đào tạo tổ chức kỳ thi quy định quy trình tổ chức thi, đề thi, quy chế thi, đề án tổ chức thi và các điều kiện khác.

10. *Thi trực tiếp* là hình thức tổ chức thi có người coi thi trực tiếp tại địa điểm thi; thí sinh làm bài trên giấy hoặc trên máy tính, thiết bị nối mạng hoặc trả lời phỏng vấn trước hội đồng.

11. *Thi trực tuyến* là hình thức tổ chức thi có người coi thi trực tuyến và giám sát bằng công nghệ; thí sinh làm bài trên máy tính, thiết bị nối mạng hoặc trả lời phỏng vấn qua mạng.

12. *Phương thức tuyển sinh* là việc cơ sở đào tạo sử dụng độc lập hoặc kết hợp của các kết quả sau đây: kết quả học tập cấp THPT, điểm thi tốt nghiệp THPT, kết quả kỳ thi độc lập, kết quả kỳ thi bổ trợ, chứng chỉ quốc tế, chứng chỉ ngoại ngữ dùng để thay thế điểm môn ngoại ngữ, để xét tuyển thí sinh vào một chương trình đào tạo.

13. *Quy đổi tương đương* là việc quy đổi ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào, điểm trúng tuyển giữa các phương thức tuyển sinh, tổ hợp xét tuyển của một mã xét tuyển theo một quy tắc do cơ sở đào tạo quy định, bảo đảm tương đương về mức độ đáp ứng yêu cầu đầu vào của chương trình đào tạo tương ứng (sau đây gọi là *độ lệch điểm*).

14. *Tiêu chí đánh giá* là việc sử dụng kết quả thi, kiểm tra để đánh giá năng lực của thí sinh nhằm phân loại thí sinh theo mức độ đáp ứng yêu cầu đầu vào của chương trình đào tạo.

15. *Tiêu chí xét tuyển* là những tiêu chí được dùng để xác định điều kiện trúng tuyển của thí sinh dựa trên kết quả học tập, kết quả thi hoặc cả kết quả học tập và kết quả thi và các tiêu chí đánh giá khác; được quy thành điểm số để xét tuyển (*điểm xét tuyển*) trong đó đã bao gồm điểm ưu tiên, điểm cộng (nếu có).

16. *Trọng số tính điểm xét* của 01 môn trong 01 tổ hợp xét tuyển là phần đóng góp của môn đó trong tổ hợp xét tuyển. Tổ hợp có 03 môn (không nhân hệ số) thì trọng số tính điểm xét của 01 môn bất kỳ trong tổ hợp xét tuyển là 1/3.

17. *Dự tuyển* là việc một thí sinh tham dự quy trình tuyển sinh vào chương trình đào tạo của một cơ sở đào tạo, thông qua việc đăng ký nguyện vọng xét tuyển trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung và đăng ký dự thi, đăng ký xét tuyển theo quy định của cơ sở đào tạo (nếu có).

18. *Ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào* (gọi tắt là ngưỡng đầu vào) là yêu cầu tối thiểu về năng lực học tập thể hiện ở kết quả học tập, kết quả thi, đánh giá để thí sinh có khả năng theo học và hoàn thành chương trình đào tạo.

19. *Điểm ưu tiên* là mức điểm thí sinh được hưởng theo khu vực, đối tượng ưu tiên được quy định tại Quy chế này.

20. *Điểm cộng* do cơ sở đào tạo xây dựng và công bố theo các tiêu chí thành tích phù hợp với đầu vào chương trình đào tạo bao gồm:

a) *Điểm thưởng* dành cho các đối tượng thí sinh được xét tuyển thẳng nhưng không sử dụng quyền xét tuyển thẳng theo quy định tại khoản 2, Điều 8 của Quy chế này; mức điểm thưởng từ 0 - 3,00 điểm theo thang điểm 30;

b) *Điểm xét thưởng* dành cho các đối tượng thí sinh có thành tích hoặc có năng khiếu đặc biệt; mức điểm xét thưởng từ 0 - 1,50 điểm theo thang điểm 30;

c) *Điểm khuyến khích* dành cho các đối tượng thí sinh có chứng chỉ ngoại ngữ hoặc có chứng chỉ quốc tế; mức điểm khuyến khích từ 0 - 1,50 điểm theo thang điểm 30.

21. *Xét tuyển thẳng* là việc thực hiện quy trình xét tuyển hồ sơ thí sinh và công nhận trúng tuyển đối với những đối tượng xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế này.

22. *Xét tuyển* là quy trình xử lý riêng tại từng cơ sở đào tạo hoặc xử lý chung theo nhóm cơ sở đào tạo để xác định điều kiện trúng tuyển và lập danh sách thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển vào một chương trình đào tạo theo các tiêu chí xét tuyển do cơ sở đào tạo xác định căn cứ theo các quy định của Quy chế này.

23. *Xử lý nguyện vọng* là quy trình xử lý trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung để xác định nguyện vọng cao nhất trong số nguyện vọng mà thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển, trên cơ sở đó lập danh sách thí sinh trúng tuyển.

24. *Điểm trúng tuyển* của một chương trình đào tạo là ngưỡng điểm mà những thí sinh (đã đăng ký nguyện vọng vào chương trình đào tạo đó) có điểm xét tuyển bằng hoặc cao hơn sẽ đủ điều kiện trúng tuyển và được làm tròn đến hàng phần trăm. Việc làm tròn điểm được thực hiện theo nguyên tắc làm tròn toán học đến hàng phần trăm, sau khi cộng đầy đủ điểm ưu tiên và điểm cộng (nếu có).

Điều 3. Nguyên tắc cơ bản trong tuyển sinh

1. Công bằng đối với thí sinh

a) Về cung cấp thông tin: Mỗi thí sinh quan tâm được cung cấp thông tin đầy đủ, rõ ràng, tin cậy, nhất quán và kịp thời để có quyết định phù hợp và chuẩn bị tốt nhất cho việc tham gia tuyển sinh;

b) Về cơ hội dự tuyển: Không thí sinh nào bị mất cơ hội dự tuyển do những quy định không liên quan tới trình độ, năng lực hoặc do quy trình tuyển sinh gây phiền hà, tốn kém;

c) Về đánh giá năng lực: Thí sinh được đánh giá khách quan, công bằng và tin cậy về khả năng học tập và triển vọng thành công, đáp ứng yêu cầu của ngành Giáo dục Mầm non;

d) Về cơ hội trúng tuyển: Thí sinh được tạo cơ hội trúng tuyển cao nhất và có quyền xác định nguyện vọng ưu tiên đối với ngành Giáo dục Mầm non khi đáp ứng đủ điều kiện trúng tuyển;

đ) Về thực hiện cam kết: Trường thực hiện các cam kết đối với thí sinh; tư vấn, hỗ trợ và giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro.

2. Bình đẳng giữa các cơ sở đào tạo

a) Về hợp tác: Trường hợp tác bình đẳng nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả tuyển sinh, đồng thời mang lại lợi ích tốt nhất cho thí sinh;

b) Về cạnh tranh: Trường cạnh tranh trung thực, công bằng và lành mạnh trong tuyển sinh.

3. Minh bạch đối với xã hội

a) Về minh bạch thông tin: Trường có trách nhiệm công bố đầy đủ, rõ ràng và kịp thời thông tin tuyển sinh qua các kênh phù hợp để xã hội và cơ quan quản lý nhà nước cùng giám sát;

b) Về trách nhiệm giải trình: Trường có trách nhiệm báo cáo theo yêu cầu của các cơ quan quản lý nhà nước và giải trình với xã hội qua hình thức phù hợp về những vấn đề lớn, gây bức xúc cho người dân.

Điều 4. Yêu cầu chung trong tuyển sinh

1. Trường thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm gắn với trách nhiệm giải trình về công tác tuyển sinh; bảo đảm nguyên tắc công bằng, khách quan, công khai, minh bạch.

2. Trường thực hiện tất cả các biện pháp cần thiết nhằm tạo điều kiện thuận lợi và cơ hội bình đẳng cho mọi thí sinh, qua đó tuyển chọn những thí sinh có nguyện vọng và năng lực phù hợp nhất với yêu cầu của ngành Giáo dục Mầm non.

3. Trường phối hợp chặt chẽ với các cơ sở giáo dục, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác tuyển sinh dưới sự hỗ trợ, giám sát của Bộ GDĐT nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và liên thông trong hệ thống, giúp nâng cao chất lượng đầu vào, hiệu quả tuyển sinh của mỗi cơ sở đào tạo và của toàn hệ thống, đồng thời tác động tích cực tới việc dạy và học ở giáo dục phổ thông.

Điều 5. Người dự tuyển, điều kiện dự tuyển

1. Đối tượng dự tuyển được xác định tại thời điểm xét tuyển:

a) Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam;

b) Thường trú tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Người dự tuyển quy định tại khoản 1 Điều này phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định tại Điều 9 của Quy chế này;

b) Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành; không bị dị tật, dị hình, nói ngọng, nói lắp, ...

c) Có đủ thông tin cá nhân và hồ sơ dự tuyển theo quy định.

Điều 6. Phương thức tuyển sinh và nguồn tuyển

1. Tùy vào điều kiện thực tế, Trường tổ chức thực hiện việc thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp giữa thi tuyển với xét tuyển. Phương thức tuyển sinh được công bố trong thông tin tuyển sinh hàng năm của Trường.

2. Phương thức tuyển sinh của Trường quy định rõ các tiêu chí đánh giá, xét tuyển, cách tính điểm xét và xác định điều kiện trúng tuyển (nội dung chi tiết có trong Thông tin tuyển sinh của Trường), trong đó:

a) Các tiêu chí đánh giá, xét tuyển để xác định điều kiện trúng tuyển đối với thí sinh theo yêu cầu của ngành Giáo dục Mầm non;

b) Tổng điểm cộng bao gồm điểm thưởng, điểm xét thưởng (gọi chung là điểm cộng) không vượt quá 10% điểm tối đa của thang điểm xét tuyển;

c) Mỗi thí sinh đều có cơ hội đạt mức điểm tối đa của thang điểm xét, nhưng không thí sinh nào có điểm xét (bao gồm điểm cộng) vượt quá mức điểm tối đa này.

3. Phương thức tuyển sinh của Trường sử dụng tổ hợp xét tuyển gồm ít nhất 03 môn phù hợp với đặc điểm, yêu cầu của ngành Giáo dục Mầm non và đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Tổ hợp xét tuyển phải có môn Toán và môn Ngữ văn với trọng số tính điểm xét của mỗi môn tối thiểu 1/3. Điểm môn Toán và môn Ngữ văn là điểm trung bình chung kết quả học tập cả năm của các lớp 10, 11, 12 hoặc điểm thi tốt nghiệp THPT;

b) Tổ hợp xét tuyển phải có môn Năng khiếu. Điểm môn Năng khiếu là kết quả điểm thi Năng khiếu do Trường hoặc cơ sở đào tạo khác tổ chức để đưa vào tổ hợp xét tuyển theo quy định của Trường.

4. Đối với một chương trình đào tạo có nhiều phương thức tuyển sinh hoặc kết hợp các phương thức tuyển sinh hoặc sử dụng kết quả kỳ thi tuyển sinh, kỳ thi độc lập hoặc tổ hợp xét tuyển khác:

a) Trường xác định độ lệch điểm theo hướng dẫn thống nhất của Bộ GDĐT; bảo đảm tuyển chọn được các thí sinh đáp ứng yêu cầu đầu vào của chương trình đào tạo ngành Giáo dục Mầm non;

b) Trường không quy định mã xét tuyển riêng, số lượng tuyển sinh xét tuyển riêng cho từng phương thức xét tuyển hoặc tổ hợp xét tuyển, trừ việc quy định số lượng tuyển sinh xét tuyển thẳng theo quy định tại Điều 8 của Quy chế này.

5. Trường tự chịu trách nhiệm và trách nhiệm giải trình về căn cứ việc xác định phương thức tuyển sinh, tổ hợp xét tuyển dựa trên số liệu phân tích, đánh giá và đối sánh kết quả học tập của sinh viên trúng tuyển các năm trước; có trách nhiệm xử lý đảm bảo quyền lợi của thí sinh khi phát sinh các tình huống, sự cố ảnh hưởng đến kết quả thi, kết quả trúng tuyển của thí sinh.

Điều 7. Chính sách ưu tiên trong tuyển sinh

1. Ưu tiên theo khu vực thực hiện theo đơn vị hành chính do cấp có thẩm quyền quy định tại Phụ lục I của Quy chế này:

a) Mức điểm ưu tiên áp dụng cho khu vực 1 (KV1) là 0,75 điểm, khu vực 2 nông thôn (KV2-NT) là 0,50 điểm, khu vực 2 (KV2) là 0,25 điểm; khu vực 3 (KV3) không được tính điểm ưu tiên;

b) Khu vực tuyển sinh của mỗi thí sinh được xác định theo địa điểm trường mà thí sinh đã học lâu nhất trong thời gian học cấp THPT; nếu thời gian

học (dài nhất) tại các khu vực tương đương nhau thì xác định theo khu vực của trường mà thí sinh theo học sau cùng;

c) Thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên khu vực theo quy định trong năm tốt nghiệp THPT và một năm kế tiếp.

2. Ưu tiên theo đối tượng chính sách quy định tại Phụ lục II của Quy chế này:

a) Mức điểm ưu tiên áp dụng cho nhóm đối tượng UT1 (gồm các đối tượng 01 đến 03) là 2,00 điểm và cho nhóm đối tượng UT2 (gồm các đối tượng 04 đến 06) là 1,00 điểm;

b) Mức điểm ưu tiên cho những đối tượng chính sách khác được quy định trong các văn bản pháp luật hiện hành do Bộ trưởng Bộ GDĐT quyết định;

c) Thí sinh thuộc nhiều diện đối tượng chính sách quy định tại điểm a và điểm b khoản này chỉ được hưởng một mức điểm ưu tiên cao nhất.

3. Các mức điểm ưu tiên được quy định trong Điều này tương ứng với tổng điểm 03 môn (trong tổ hợp xét tuyển) theo thang điểm 30 đối với từng môn (không nhân hệ số); trường hợp phương thức tuyển sinh sử dụng thang điểm khác thì mức điểm ưu tiên được quy đổi tương đương.

4. Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,50 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và theo thang tổng điểm 03 môn tối đa là 30) được làm tròn đến hàng phần trăm và xác định theo công thức sau:

Điểm ưu tiên = [(30 - Tổng điểm đạt được)/7,50] x Mức điểm ưu tiên quy định tại khoản 1, 2 Điều này.

Điều 8. Đối tượng xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển

1. Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ thi đua toàn quốc được tuyển thẳng vào ngành Giáo dục Mầm non.

2. Thí sinh đạt thành tích cao trong các kỳ thi, cuộc thi, giải đấu cấp quốc gia hoặc quốc tế do Bộ GDĐT, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức, cử tham gia, được xét tuyển thẳng vào chương trình đào tạo phù hợp với môn thi, nội dung đề tài hoặc nghề dự thi, thi đấu, đạt giải; cụ thể trong các trường hợp sau:

a) Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế hoặc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức, cử tham gia; thời gian đoạt giải không quá 03 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng;

b) Thí sinh đoạt giải chính thức trong các cuộc thi nghệ thuật quốc tế về ca, múa, nhạc, mỹ thuật được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận; thời gian đoạt giải không quá 04 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng;

c) Thí sinh tham gia đội tuyển quốc gia thi đấu tại các giải quốc tế chính

thức được Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch xác nhận đã hoàn thành nhiệm vụ, bao gồm: Giải vô địch thế giới, Cúp thế giới, Thế vận hội Olympic, Đại hội Thể thao châu Á (ASIAD), Giải vô địch châu Á, Cúp châu Á, Giải vô địch Đông Nam Á, Đại hội Thể thao Đông Nam Á (SEA Games), Cúp Đông Nam Á; thời gian đoạt giải không quá 04 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng.

3. Thí sinh có bằng trung cấp ngành sư phạm loại giỏi trở lên hoặc có bằng trung cấp ngành sư phạm loại khá và có ít nhất 02 năm làm việc đúng ngành được xét tuyển thẳng vào ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng.

4. Hiệu trưởng Nhà trường căn cứ kết quả học tập cấp THPT của thí sinh và yêu cầu đầu vào của chương trình đào tạo do Hiệu trưởng quy định để ưu tiên xem xét, quyết định nhận vào học những trường hợp quy định dưới đây (trường hợp cần thiết kèm theo điều kiện thí sinh phải học 01 năm bổ sung kiến thức trước khi vào học chính thức):

a) Thí sinh là người Việt Nam học tập cấp THPT, trung học nghề ở nước ngoài hoặc học tập chương trình giáo dục nước ngoài bằng tiếng nước ngoài ở Việt Nam đạt trình độ tương đương với trình độ THPT và đạt chuẩn năng lực ngôn ngữ theo yêu cầu của chương trình đào tạo phù hợp với quy định của Bộ GDĐT;

b) Thí sinh là người dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định hiện hành của Chính phủ.

5. Trường quy định hình thức ưu tiên xét tuyển đối với các thí sinh đã đạt ngưỡng đầu vào bằng cách cộng điểm thưởng hoặc điểm xét thưởng cho các trường hợp sau:

a) Cộng 2,00 điểm thưởng đối với thí sinh quy định tại khoản 1, 2 Điều này dự tuyển vào các chương trình đào tạo theo nguyện vọng mà không dùng quyền tuyển thẳng;

b) Cộng 1,50 điểm xét thưởng đối với thí sinh đạt huy chương vàng, bạc, đồng các giải thể dục thể thao cấp quốc gia tổ chức một lần trong năm; thí sinh được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận là vận động viên kiện tướng quốc gia dự tuyển vào các ngành thể dục thể thao phù hợp; thí sinh đạt giải chính thức trong các cuộc thi nghệ thuật chuyên nghiệp chính thức toàn quốc về ca, múa, nhạc, mỹ thuật dự tuyển vào các chương trình đào tạo nghệ thuật phù hợp; thời gian đạt giải không quá 04 năm tính theo năm đến thời điểm xét tuyển;

c) Cộng 1,00 điểm xét thưởng đối với thí sinh đạt giải khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia; thí sinh đạt giải trong cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia dự tuyển vào chương trình đào tạo phù hợp với môn thi hoặc

nội dung đề tài dự thi đã đạt giải; thời gian đạt giải không quá 03 năm tính theo năm đến thời điểm xét tuyển;

d) Thí sinh thuộc nhiều diện đối tượng quy định tại điểm a, điểm b và điểm c khoản này chỉ được hưởng một mức điểm thưởng hoặc điểm xét thưởng cao nhất;

đ) Tổng điểm đạt được của thí sinh được tính bằng tổng điểm các môn trong tổ hợp xét tuyển và điểm cộng (nếu có). Trường hợp tổng điểm này vượt quá mức điểm tối đa của thang điểm xét tuyển thì được tính bằng mức điểm tối đa của thang điểm xét tuyển.

Điều 9. Ngưỡng đầu vào các chương trình đào tạo chính quy và thường xuyên

1. Đối với phương thức tuyển sinh sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT, Bộ trưởng Bộ GDĐT quyết định ngưỡng đầu vào đối với các chương trình đào tạo Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng;

2. Đối với phương thức tuyển sinh không sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT, thí sinh phải đạt ngưỡng đầu vào tại khoản 1 Điều này hoặc có kết quả học tập cả năm lớp 12 đạt loại Khá trở lên (học lực xếp loại từ Khá trở lên) đối với các chương trình đào tạo Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng.

Điều 10. Bảo lưu kết quả trúng tuyển

1. Thí sinh đã có giấy báo trúng tuyển được bảo lưu kết quả trúng tuyển trong những trường hợp sau:

a) Đi nghĩa vụ quân sự, công an nhân dân hoặc đi thanh niên xung phong tập trung ngay trong năm trúng tuyển theo quyết định hoặc lệnh của cơ quan có thẩm quyền;

b) Bị bệnh nặng hoặc bị tai nạn nghiêm trọng không thể nhập học đúng hạn, có hồ sơ y tế và xác nhận của bệnh viện cấp cơ sở trở lên.

2. Thí sinh thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này phải nộp đơn xin bảo lưu kèm theo các giấy tờ minh chứng hợp lệ để Nhà trường xem xét, quyết định. Thời gian bảo lưu kết quả do Nhà trường quy định, nhưng không vượt quá 36 tháng đối với các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Ngay sau khi đủ điều kiện đi học trở lại, người được bảo lưu kết quả trúng tuyển phải thực hiện thủ tục nhập học theo quy định của Trường, trong đó phải cung cấp minh chứng đã hoàn thành nhiệm vụ hoặc đã được điều trị hồi phục.

Điều 11. Thông tin tuyển sinh

1. Hàng năm Trường xây dựng, công bố và thực hiện thông tin tuyển sinh

để thực hiện trách nhiệm giải trình và cam kết đối với thí sinh, cơ quan quản lý nhà nước và xã hội. Thông tin tuyển sinh chứa đầy đủ thông tin làm căn cứ để:

a) Thí sinh lựa chọn phương thức tuyển sinh phù hợp với năng lực, sở thích và điều kiện cá nhân; chuẩn bị các điều kiện tham gia dự tuyển và thực hiện các bước theo kế hoạch tuyển sinh của Trường;

b) Cơ quan quản lý nhà nước và xã hội giám sát việc thực hiện quy định của pháp luật và các cam kết đối với người học của Trường trong công tác tuyển sinh và đào tạo.

2. Nội dung chủ yếu của thông tin tuyển sinh bao gồm:

a) Thông tin giới thiệu về Trường, tên ngành đào tạo, gồm: thông tin về quyết định mở ngành; ngôn ngữ đào tạo; đội ngũ giảng viên; điều kiện học tập và nghiên cứu; văn bằng tốt nghiệp; kết quả kiểm định chất lượng; tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp (trên tổng số nhập học) và tỷ lệ có việc làm phù hợp với trình độ chuyên môn của sinh viên tốt nghiệp (theo Phụ lục III của Quy chế);

b) Thông tin đầy đủ về chi phí đào tạo, mức thu học phí; mức thu dịch vụ tuyển sinh và các khoản thu dịch vụ khác cho lộ trình toàn khóa học và từng năm học; chính sách học bổng, miễn giảm học phí, hỗ trợ tài chính; chỗ ở ký túc xá và các chính sách ưu đãi, hỗ trợ khác dành cho người học;

c) Kế hoạch tuyển sinh và phạm vi tuyển sinh các đợt trong năm (trong đó, đợt 1 phù hợp với kế hoạch chung do Bộ GDĐT ban hành), gồm: quy định về đối tượng và điều kiện tuyển sinh; phương thức tuyển sinh; tổ hợp xét tuyển và chỉ tiêu tuyển sinh; quy tắc quy đổi độ lệch điểm ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển của các phương thức, tổ hợp xét tuyển; quy trình, thủ tục đăng ký dự tuyển và các thông tin cần thiết khác cho thí sinh;

d) Các phương án xử lý rủi ro khi triển khai công tác tuyển sinh và cam kết trách nhiệm của Trường.

3. Trường thông báo tuyển sinh kèm theo công bố thông tin tuyển sinh trên trang thông tin điện tử của Trường và qua các hình thức thích hợp khác trước khi mở đăng ký dự tuyển của đợt tuyển sinh đầu tiên ít nhất 30 ngày; trường hợp điều chỉnh, bổ sung (nếu có) trước ít nhất 15 ngày. Riêng đối với quy tắc quy đổi độ lệch điểm, thời gian công bố muộn nhất cùng thời gian công bố ngưỡng đầu vào.

Chương II

XÉT TUYỂN ĐÀO TẠO CHÍNH QUY

Điều 12. Xây dựng kế hoạch xét tuyển

1. Căn cứ kế hoạch tuyển sinh chung của Bộ GDĐT, Nhà trường phối hợp triển khai các quy trình sau đây:

- a) Đăng ký xét tuyển trên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT (gọi tắt là Hệ thống) hoặc trên Cổng dịch vụ công Quốc gia;
- b) Tổ chức xét tuyển tại Trường theo quy định;
- c) Xử lý nguyện vọng trên Hệ thống (theo chu trình lặp kết hợp với quy trình xét tuyển tại Trường);
- d) Xác nhận nhập học trên Hệ thống và nhập học tại Trường.

2. Căn cứ kế hoạch tuyển sinh chung, Trường xây dựng kế hoạch xét tuyển thẳng, xét tuyển đợt 1 và kế hoạch xét tuyển các đợt bổ sung (nếu có).

Điều 13. Tổ chức đăng ký và xét tuyển thẳng

1. Căn cứ thông tin tuyển sinh đã công bố, Trường tổ chức cho thí sinh thuộc đối tượng được xét tuyển thẳng theo quy định tại Điều 8 của Quy chế này đăng ký dự tuyển bằng hình thức trực tuyến hoặc trực tiếp tại Trường.

2. Trường tổ chức xét tuyển thẳng cho những thí sinh đủ điều kiện, công bố và cập nhật danh sách thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển (trừ điều kiện tốt nghiệp THPT) lên Hệ thống để xử lý nguyện vọng cùng với các phương thức xét tuyển khác theo kế hoạch chung; hoàn thành trước khi thí sinh đăng ký xét tuyển trên Hệ thống.

3. Thí sinh đã trúng tuyển vào Trường theo kế hoạch xét tuyển thẳng thực hiện đăng ký nguyện vọng trên Hệ thống theo kế hoạch chung của Bộ GDĐT để lựa chọn chương trình đào tạo đã trúng tuyển thẳng tại Trường hoặc đăng ký nguyện vọng xét tuyển khác.

4. Thí sinh trúng tuyển thẳng xác nhận nhập học theo kế hoạch chung.

5. Hiệu trưởng Nhà trường không yêu cầu thí sinh cam kết nhập học dưới mọi hình thức hoặc xác nhận nhập học sớm hơn lịch trình theo kế hoạch chung.

Điều 14. Đăng ký xét tuyển trên Hệ thống

1. Bộ GDĐT hỗ trợ tổ chức đăng ký xét tuyển đợt 1 đào tạo chính quy cho tất cả phương thức tuyển sinh của các cơ sở đào tạo. Thời gian đăng ký theo kế hoạch tuyển sinh hằng năm.

2. Thí sinh dự tuyển đợt 1 đào tạo chính quy thực hiện đăng ký xét tuyển trên Hệ thống (hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia) theo kế hoạch chung và hướng dẫn của Bộ GDĐT hằng năm.

3. Thí sinh được đăng ký tối đa 15 nguyện vọng vào các chương trình đào tạo, các cơ sở giáo dục đại học khác nhau; nguyện vọng phải được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp. Trong trường hợp nhiều nguyện vọng đủ điều kiện trúng tuyển, thí sinh chỉ được công nhận trúng tuyển và gọi nhập học theo nguyện vọng cao nhất.

Chương trình đào tạo giáo viên ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng chỉ xét tuyển những thí sinh đăng ký ở các nguyện vọng có thứ tự từ 01 đến 05.

4. Thí sinh thể hiện nguyện vọng đăng ký xét tuyển trên Hệ thống như sau:

a) Thứ tự ưu tiên của nguyện vọng (số 1 thể hiện nguyện vọng có thứ tự ưu tiên cao nhất);

b) Lựa chọn cơ sở đào tạo, đơn vị tuyển sinh (mã trường);

c) Lựa chọn chương trình đào tạo (mã xét tuyển).

5. Trong đợt 1, thí sinh đăng ký xét tuyển và chỉ nộp lệ phí xét tuyển một lần duy nhất (không bao gồm lệ phí các kỳ bổ trợ, kỳ thi độc lập) theo mức thu dịch vụ tuyển sinh do các cơ sở đào tạo thống nhất với nhau quy định.

Điều 15. Xét tuyển và xử lý nguyện vọng theo kế hoạch chung

1. Nhà trường tổ chức xét tuyển theo các phương thức và tiêu chí đã công bố, phù hợp với kế hoạch tuyển sinh hằng năm. Bộ GDĐT hướng dẫn lịch trình xét tuyển và hỗ trợ xử lý nguyện vọng trên Hệ thống.

2. Sau khi kết thúc thời gian đăng ký nguyện vọng trên Hệ thống, Nhà trường tải thông tin, dữ liệu từ Hệ thống bao gồm: dữ liệu đăng ký nguyện vọng, kết quả học tập cấp THPT, kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT, điểm xét tốt nghiệp THPT, kết quả thi của các cơ sở đào tạo tổ chức thi trong năm tuyển sinh, điểm chứng chỉ ngoại ngữ, dữ liệu về ưu tiên theo khu vực và đối tượng của những thí sinh dự tuyển để phục vụ xét tuyển.

3. Nguyên tắc xét tuyển

a) Điểm trúng tuyển được xác định để số lượng tuyển được phù hợp với chỉ tiêu tuyển sinh đã công bố và không thấp hơn ngưỡng đầu vào;

b) Tất cả thí sinh được xét chọn bình đẳng dựa trên điểm xét và điểm trúng tuyển quy đổi tương đương theo từng phương thức xét tuyển, tổ hợp xét tuyển, không phụ thuộc thứ tự ưu tiên của nguyện vọng đăng ký trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản này;

c) Trường hợp nhiều thí sinh có cùng điểm xét ở cuối danh sách, thứ tự xét ưu tiên được xác định lần lượt theo các tiêu chí: có điểm thi Năng khiếu cao

hơn; có điểm cộng thấp hơn; có thứ tự nguyện vọng cao hơn; có điểm môn Văn cao hơn;

d) Việc sử dụng điểm ưu tiên khu vực, đối tượng để xét tuyển đảm bảo thống nhất, đồng bộ với quy định về điểm ưu tiên được quy định tại Điều 7 của Quy chế này.

4. Sau mỗi chu kỳ xét tuyển, Nhà trường tải danh sách thí sinh dự kiến đủ điều kiện trúng tuyển chương trình đào tạo lên Hệ thống. Hệ thống tự động loại bỏ khỏi danh sách những nguyện vọng thấp của thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển nhiều nguyện vọng và trả lại danh sách thí sinh dự kiến trúng tuyển theo nguyện vọng cao nhất. Nhà trường có trách nhiệm rà soát đầy đủ thông tin trong thông tin tuyển sinh với kết quả thí sinh dự kiến trúng tuyển theo nguyện vọng cao nhất sau mỗi lần Hệ thống trả kết quả xử lý nguyện vọng.

5. Căn cứ kết quả xử lý nguyện vọng, Trường lập lại quy trình xét tuyển ở chu kỳ sau, điều chỉnh điểm trúng tuyển phù hợp với chỉ tiêu tuyển sinh trong thời hạn quy định. Ở chu kỳ cuối, Trường quyết định điểm trúng tuyển vào ngành Giáo dục Mầm non và tải lên Hệ thống danh sách (chính thức) thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển. Trên cơ sở kết quả xử lý nguyện vọng cuối cùng, Trường quyết định danh sách thí sinh trúng tuyển vào ngành Giáo dục Mầm non theo đúng thông tin công bố trong thông tin tuyển sinh.

Điều 16. Thông báo kết quả và xác nhận nhập học

1. Trường công bố điểm trúng tuyển (và các điều kiện, tiêu chí phụ nếu có) vào chương trình đào tạo ngành Giáo dục Mầm non theo các phương thức tuyển sinh, cam kết thông tin công bố chính xác và chịu trách nhiệm về kết quả công bố trúng tuyển; tổ chức cho thí sinh tra cứu kết quả trúng tuyển (điểm của thí sinh và tên phương thức trúng tuyển) trên trang thông tin điện tử của Trường; giải đáp thắc mắc của thí sinh và xã hội (nếu có) về kết quả công bố.

2. Trường thông báo kết quả trúng tuyển cho từng thí sinh theo điểm và tên phương thức trúng tuyển kèm theo thủ tục nhập học; Trường có quyền từ chối nhập học đối với thí sinh khai báo không trung thực về thông tin cá nhân đăng ký xét tuyển.

3. Thí sinh xác nhận nhập học trực tuyến trên Hệ thống trước khi nhập học tại Trường trong thời hạn quy định.

4. Đối với những thí sinh không xác nhận nhập học trong thời hạn quy định:

a) Trường hợp không có lý do chính đáng thì coi như thí sinh đã từ chối nhập học và Nhà trường có quyền không tiếp nhận;

b) Trường hợp do ốm đau, tai nạn, có giấy xác nhận của bệnh viện cấp cơ sở trở lên hoặc do thiên tai có xác nhận của ủy ban nhân dân cấp xã, Nhà trường xem xét quyết định tiếp nhận thí sinh vào học hoặc bảo lưu kết quả tuyển sinh, việc chấp thuận thí sinh vào học do Hiệu trưởng quyết định và chịu trách nhiệm giải trình về thời gian tiếp nhận thí sinh nhập học muộn (nếu có);

c) Trường hợp do sai sót, nhầm lẫn được xác định thuộc lỗi kỹ thuật khách quan trong công tác tuyển sinh, Hiệu trưởng chủ động phối hợp với các cá nhân, tổ chức liên quan xem xét các minh chứng và quyết định việc tiếp nhận thí sinh vào học hoặc bảo lưu kết quả tuyển sinh để thí sinh vào học; lập hồ sơ lưu trữ và báo cáo danh sách riêng thí sinh bị sự cố trong báo cáo kết quả tuyển sinh hằng năm.

5. Thí sinh đã xác nhận nhập học tại Trường thì không được tham gia xét tuyển ở nơi khác hoặc ở các đợt xét tuyển bổ sung trong năm tuyển sinh, trừ trường hợp được Hiệu trưởng nhà trường cho phép.

Điều 17. Tổ chức đăng ký và xét tuyển các đợt bổ sung

1. Căn cứ số lượng tuyển sinh của chương trình đào tạo và số thí sinh trúng tuyển đã xác nhận nhập học vào chương trình đào tạo, Hiệu trưởng quyết định xét tuyển các đợt bổ sung và công bố kế hoạch xét tuyển, phương thức xét tuyển, hình thức đăng ký xét tuyển các đợt bổ sung, điều kiện xét tuyển bổ sung đối với các chương trình đào tạo theo từng phương thức xét tuyển nhưng không thấp hơn điều kiện trúng tuyển đợt 1. Việc xét tuyển bổ sung phải đảm bảo số lượng tuyển sinh công bố trong các đợt bổ sung không được vượt quá số lượng tuyển sinh đã công bố ở đợt 1; mỗi đợt xét tuyển bổ sung, thời gian từ khi công bố phương án đến khi bắt đầu xét tuyển phải tối thiểu là 10 ngày.

2. Thí sinh chưa trúng tuyển hoặc đã trúng tuyển nhưng chưa xác nhận nhập học vào bất kỳ cơ sở đào tạo nào có thể đăng ký xét tuyển các đợt bổ sung theo kế hoạch và hướng dẫn của Nhà trường.

3. Kết thúc mỗi đợt xét tuyển, Nhà trường công bố trên trang thông tin điện tử điểm trúng tuyển (và các điều kiện, tiêu chí phụ nếu có) của từng chương trình đào tạo theo các phương thức tuyển sinh; tổ chức cho thí sinh tra cứu kết quả xét tuyển cá nhân (bao gồm điểm của thí sinh và phương thức trúng tuyển); gửi giấy báo trúng tuyển và hướng dẫn thí sinh trúng tuyển nhập học.

Điều 18. Trách nhiệm của các bên liên quan trong công tác xét tuyển

1. Trách nhiệm của thí sinh

a) Tìm hiểu kỹ thông tin tuyển sinh của Nhà trường, không đăng ký nguyện vọng vào những phương thức tuyển sinh mà không đủ điều kiện;

b) Cung cấp đầy đủ, tự chịu trách nhiệm về tính chính xác của tất cả thông tin đăng ký dự tuyển, bao gồm cả thông tin cá nhân, thông tin khu vực và đối tượng ưu tiên (nếu có), nguyện vọng đăng ký; tính xác thực của các giấy tờ minh chứng;

c) Đồng ý để Nhà trường được quyền sử dụng thông tin, dữ liệu cần thiết phục vụ cho công tác xét tuyển;

d) Tự chịu trách nhiệm về rủi ro phát sinh khi sử dụng kết quả các kỳ thi tuyển sinh, kỳ thi độc lập của các cơ sở đào tạo hoặc các tổ chức nước ngoài tổ chức kỳ thi độc lập;

đ) Hoàn thành thanh toán mức thu dịch vụ tuyển sinh trước khi kết thúc thủ tục đăng ký dự tuyển theo quy định của Nhà trường.

2. Trách nhiệm của Trường

a) Cung cấp đầy đủ, đúng định dạng và bảo đảm tính xác thực của thông tin, dữ liệu tuyển sinh lên Hệ thống;

b) Quy định về mức thu, phương thức thu và sử dụng lệ phí dịch vụ tuyển sinh;

c) Cung cấp đầy đủ thông tin, tư vấn, hướng dẫn thí sinh; thực hiện các biện pháp kỹ thuật để hạn chế thí sinh đăng ký dự tuyển vào một chương trình đào tạo mà không đủ điều kiện; chịu trách nhiệm và chủ động giải quyết việc thí sinh được chuyển đến Trường hoặc chuyển đi do sai sót khách quan trong tuyển sinh;

d) Tuân thủ quy trình xét tuyển, bảo đảm xét tuyển chính xác, công bằng, khách quan; thực hiện đúng cam kết theo thông tin tuyển sinh đã công bố;

đ) Kiểm tra thông tin và hồ sơ minh chứng khi thí sinh nhập học, bảo đảm tất cả thí sinh nhập học phải đủ điều kiện trúng tuyển;

e) Giải quyết đơn thư phản ánh, khiếu nại, tố cáo liên quan tới công tác xét tuyển của Trường theo quy định của pháp luật;

g) Chủ động tạm dừng tuyển sinh và báo cáo Bộ GDĐT việc tạm dừng tuyển sinh đối với chương trình đào tạo khi không đủ điều kiện duy trì tổ chức thực hiện đào tạo theo quy định hiện hành, không đáp ứng các quy định của pháp luật liên quan;

h) Đảm bảo quyền lợi của thí sinh khi sử dụng kết quả kỳ thi tuyển sinh, kết quả kỳ thi độc lập trong xét tuyển đại học.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 19. Tổ chức, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng tuyển sinh

1. Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh (HĐTS) để điều hành các công việc liên quan đến công tác tuyển sinh.

2. Thành phần của HĐTS gồm có:

a) Chủ tịch: Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng;

b) Phó Chủ tịch: Phó Hiệu trưởng;

c) Ủy viên thường trực: Trưởng phòng hoặc Phó Trưởng phòng Đào tạo – Bồi dưỡng và Hợp tác quốc tế;

d) Các ủy viên: Một số trưởng hoặc phó trưởng phòng, trưởng hoặc phó trưởng khoa, trung tâm, trưởng hoặc phó bộ môn liên quan đến thi tuyển sinh, chuyên viên/chuyên viên chính phụ trách tuyển sinh và người am hiểu, sử dụng tốt công nghệ thông tin;

Những người có người thân (con, vợ, chồng, bố, mẹ, anh, chị, em ruột của mình và của vợ hoặc chồng) dự thi hay xét tuyển vào Trường không được tham gia HĐTS của trường và các ban giúp việc HĐTS trường trong năm đó.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐTS

a) Hội đồng tuyển sinh có nhiệm vụ thông qua thông tin tuyển sinh do Ban soạn thảo biên soạn và công bố hàng năm theo quy định tại Điều 11 Quy chế này.

b) HĐTS có nhiệm vụ và quyền hạn sau:

- Tổ chức tuyển sinh theo thông tin tuyển sinh và quy chế tuyển sinh đã ban hành, tuân thủ các quy định của quy chế tuyển sinh do Bộ GDĐT ban hành và các quy định pháp luật hiện hành; thực hiện trách nhiệm giải trình với Bộ GDĐT, các cơ quan có thẩm quyền và xã hội về toàn bộ công tác tuyển sinh.

- Tổ chức rà soát thông tin tuyển sinh, tiến hành kiểm tra nội bộ, hậu kiểm hoạt động tuyển sinh; chủ động giải quyết các rủi ro phát sinh; giải quyết đơn thư phản ánh, khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm liên quan tới công tác tuyển sinh theo quy định của quy chế tuyển sinh do Bộ GDĐT ban hành và quy định của pháp luật có liên quan.

- Chậm nhất ngày 31 tháng 12 hằng năm, HĐTS phải hoàn thành cập nhật dữ liệu thực tuyển của tất cả các hình thức đào tạo bao gồm: thông tin thí sinh; thông tin xét tuyển của thí sinh; kết quả xét tuyển của thí sinh; thông tin về chương trình đào tạo tuyển sinh; thông tin về phương thức tuyển sinh đã thông báo tuyển sinh trên Hệ thống của Bộ GDĐT.

- Bảo quản, lưu trữ các tài liệu liên quan đến tuyển sinh trong suốt khóa đào tạo theo quy định của Luật Lưu trữ và các quy định về thời hạn bảo quản tài liệu chuyên môn nghiệp vụ của ngành giáo dục.

- Thu hoặc ủy quyền thu và sử dụng kinh phí tuyển sinh, kinh phí xét tuyển.

- Tổng kết công tác tuyển sinh; quyết định khen thưởng, kỷ luật theo quy định.

4. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch HĐTS.

a) Tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về công tác tuyển sinh của trường;

b) Thành lập các ban giúp việc cho HĐTS để triển khai công tác tuyển sinh;

c) Phân công Phó Chủ tịch HĐTS thực hiện các nhiệm vụ về công tác tuyển sinh và thay mặt giải quyết công việc khi Chủ tịch HĐTS uỷ quyền.

Điều 20. Tổ chức, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban thư ký HĐTS

1. Thành phần Ban Thư ký HĐTS gồm có:

a) Trưởng ban do Ủy viên thường trực HĐTS kiêm nhiệm;

b) Các uỷ viên: Một số viên chức phòng, khoa, trung tâm và người am hiểu, sử dụng tốt công nghệ thông tin.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thư ký HĐTS:

a) Công bố các thông tin liên quan đến điều kiện, hồ sơ, thời gian, hình thức và địa điểm đăng ký xét tuyển hoặc dự thi (nếu có) trên trang thông tin điện tử của Trường;

b) Tổ chức kiểm tra hồ sơ của thí sinh dự tuyển và trúng tuyển theo quy định;

c) Cập nhật lên Cổng thông tin tuyển sinh và hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ GDĐT tất cả các thông tin tuyển sinh của Trường theo quy định để thực hiện xét tuyển trên hệ thống (đối với tuyển sinh cao đẳng chính quy);

d) Dự kiến phương án điểm trúng tuyển, trình HĐTS quyết định;

đ) Lập danh sách thí sinh trúng tuyển và gửi giấy báo trúng tuyển cho thí sinh;

e) Thực hiện các nhiệm vụ khác của Ban thư ký theo quy định tại Quy chế thi tuyển sinh của Trường;

g) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch HĐTS giao.

Điều 21. Giải quyết đơn khiếu nại, đơn tố cáo liên quan đến công tác tuyển sinh

1. Trong thời gian tuyển sinh, HĐTS tổ chức tiếp nhận và giải quyết đơn khiếu nại, đơn tố cáo của công dân liên quan đến công tác tuyển sinh.

2. Kết thúc tuyển sinh, Hiệu trưởng tổ chức tiếp nhận và giải quyết đơn khiếu nại, đơn tố cáo của công dân liên quan đến công tác tuyển sinh.

3. Người khiếu nại thực hiện quyền khiếu nại khi có căn cứ cho rằng quyết định hành chính hoặc hành vi hành chính đó là trái pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

4. Trình tự, thủ tục, thời hạn giải quyết đơn khiếu nại, đơn tố cáo của công dân liên quan đến công tác tuyển sinh được thực hiện theo quy định pháp luật về giải quyết khiếu nại, giải quyết tố cáo và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 22. Hoạt động thanh tra, kiểm tra công tác tuyển sinh

1. Hiệu trưởng tổ chức thanh tra, kiểm tra công tác tuyển sinh của Trường theo quy định.

2. Trình tự, thủ tục tổ chức thanh tra, kiểm tra theo quy định của pháp luật về thanh tra, kiểm tra và hướng dẫn của Bộ GDĐT.

3. Những người có người thân (con, vợ, chồng, bố, mẹ, anh, chị, em ruột của mình và của vợ hoặc chồng) dự thi hay xét tuyển vào Trường không được tham gia công tác thanh tra, kiểm tra công tác tuyển sinh trong năm đó.

Điều 23. Xử lý vi phạm

1. Thí sinh có hành vi gian lận trong quá trình đăng ký dự tuyển, dự thi để được trúng tuyển; tùy theo mức độ có thể bị buộc thôi học, cấm dự tuyển vào Trường trong những năm tiếp theo hoặc bị xử lý hình sự theo quy định của pháp luật.

2. Người có hành vi vi phạm Quy chế này là Hiệu trưởng, Chủ tịch HĐTS và những cá nhân có liên quan, nếu có đủ chứng cứ, tùy theo mức độ sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật.

Điều 24. Khen thưởng

1. Các cá nhân, đơn vị có nhiều đóng góp, tích cực hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ tuyển sinh được giao, tùy theo thành tích cụ thể, được Hiệu trưởng, Chủ tịch HĐTS khen thưởng theo quy định của Luật thi đua, khen thưởng.

2. Tiền khen thưởng trích trong Quỹ khen thưởng của Nhà trường.

Điều 25. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, thay thế các quy chế, quy định có liên quan trước đây của Trường.

2. Hàng năm, Quy chế này có thể được bổ sung, sửa đổi, cập nhật theo quy định và hướng dẫn của Bộ GDĐT.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh cần điều chỉnh, bổ sung, các đơn vị, cá nhân phản ánh về Phòng Đào tạo – Bồi dưỡng và Hợp tác Quốc tế để tổng hợp, báo cáo Hiệu trưởng xem xét, quyết định.

PHỤ LỤC I
KHU VỰC ƯU TIÊN

(Kèm theo Quy chế tuyển sinh ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng)

Khu vực	Mô tả khu vực và điều kiện
Khu vực 1 (KV1)	Các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã khu vực I, II, III; các xã có thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn; các xã/phường hải đảo/đặc khu; các xã/phường biên giới đất liền.
Khu vực 2 nông thôn (KV2-NT)	Các địa phương không thuộc KV1, KV2, KV3.
Khu vực 2 (KV2)	Các phường thuộc tỉnh; các xã của thành phố trực thuộc Trung ương (trừ các xã thuộc KV1).
Khu vực 3 (KV3)	Các phường của thành phố trực thuộc Trung ương.

PHỤ LỤC II
ĐỐI TƯỢNG CHÍNH SÁCH ƯU TIÊN

(Kèm theo Quy chế tuyển sinh ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng)

Đối tượng	Mô tả đối tượng, điều kiện
<i>Nhóm 1</i>	
01	Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số được hưởng ưu tiên khu vực 1
02	a) Thương binh, bệnh binh, người có “Giấy chứng nhận người được hưởng chính sách như thương binh; b) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong công an nhân dân xuất ngũ và được công nhận hoàn thành nghĩa vụ phục vụ tại ngũ theo quy định.
03	a) Thân nhân liệt sĩ; b) Con thương binh, con bệnh binh, con của người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên; c) Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học bị suy giảm khả năng lao động 81% trở lên; d) Con của Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; con của Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến; đ) Con của người hoạt động kháng chiến bị dị dạng, dị tật do hậu quả của chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp hàng tháng.
<i>Nhóm 2</i>	
04	a) Thanh niên xung phong tập trung được cử đi học; b) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ trên 15 tháng tính theo ngày.
05	a) Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số học ngoài khu vực đã quy định thuộc đối tượng 01; b) Con thương binh, con bệnh binh, con của người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%; c) Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động dưới 81%.
06	a) Người khuyết tật nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định; b) Giáo viên đã giảng dạy đủ 3 năm trở lên dự tuyển vào các chương trình đào tạo giáo viên; c) Y tá, dược tá, hộ lý, y sĩ, điều dưỡng viên, hộ sinh viên, kỹ thuật viên, người có bằng trung cấp Dược đã công tác đủ 3 năm trở lên dự tuyển vào đúng chương trình đào tạo tốt nghiệp thuộc lĩnh vực sức khỏe.

PHỤ LỤC III
THÔNG TIN TUYỂN SINH

(Kèm theo Quy chế tuyển sinh ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng)

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
BÀ RỊA – VŨNG TÀU

THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM 2026

(Hình thức đào tạo: Chính quy)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở đào tạo: Trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa – Vũng Tàu

2. Mã cơ sở đào tạo trong tuyển sinh: C52

3. Địa chỉ các trụ sở (trụ sở chính, trụ sở cùng tỉnh/TP trực thuộc Trung ương và phân hiệu)

Số 689 – Cách Mạng Tháng Tám – Phường Bà Rịa – Thành phố Hồ Chí Minh

4. Địa chỉ trang thông tin điện tử

<https://www.cdspbrvt.edu.vn/>

5. Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh; thông tin, quy chế thi tuyển sinh

<https://www.cdspbrvt.edu.vn/TUYENSINH.aspx>

6. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh:

02543.826.644 - 0987.681.634

7. Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của cơ sở đào tạo (chương trình đào tạo; đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý; cơ sở vật chất; quy mô đào tạo; tỷ lệ sinh viên có việc làm; kế hoạch tuyển sinh các chương trình đào tạo, phương thức, trình độ đào tạo ngành...)

<https://www.cdspbrvt.edu.vn/>

II. TUYỂN SINH NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG

1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

1.1. Đối tượng dự tuyển

- Thí sinh đã tốt nghiệp Trung học phổ thông (THPT).
- Thí sinh thường trú tại Thành phố Hồ Chí Minh.

1.2. Điều kiện dự tuyển

- Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định tại Điều 9 của Quy chế.
- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành; không bị dị tật, dị hình, nói ngọng, nói lắp, ...
- Có đủ thông tin cá nhân và hồ sơ dự tuyển theo quy định.

2. Mô tả phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển...)

- Phương thức 1: Kết hợp điểm thi tốt nghiệp THPT (năm 2025, năm 2026) của hai môn Văn, Toán với điểm thi Năng khiếu để xét tuyển.

- Phương thức 2: Kết hợp kết quả học tập cấp THPT (học bạ) của hai môn Văn, Toán với điểm thi Năng khiếu để xét tuyển.

- Phương thức 3: Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế.

3. Quy tắc quy đổi độ lệch điểm ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

Trường xác định quy tắc quy đổi độ lệch điểm ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các phương thức tuyển sinh theo hướng dẫn thống nhất của Bộ GDĐT; công bố quy đổi độ lệch điểm trên website của Trường sau khi Bộ GDĐT công bố các số liệu thống kê về tương quan giữa điểm các môn thi tốt nghiệp THPT với điểm trung bình các môn học ở THPT.

4. Số lượng tuyển sinh (dự kiến)

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã chương trình, ngành, nhóm ngành	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành	Số lượng tuyển sinh (dự kiến)	Phương thức tuyển sinh
1.	C52	Cao đẳng	51140201	Giáo dục Mầm non	270	Kết hợp điểm thi tốt nghiệp THPT với điểm thi Năng khiếu để xét tuyển (Văn, Toán, Năng khiếu – M00)
2.	C52	Cao đẳng	51140201	Giáo dục Mầm non		Kết hợp kết quả học tập cấp THPT với điểm thi Năng khiếu để xét tuyển (Văn, Toán, Năng khiếu - M00)
3.	C52	Cao đẳng	51140201	Giáo dục Mầm non		Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh ngành GDMN

5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào cơ sở đào tạo

5.1. Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển

Nếu nhiều thí sinh có cùng điểm xét ở cuối danh sách, thứ tự xét ưu tiên được xác định lần lượt theo các tiêu chí: có điểm thi Năng khiếu cao hơn; có điểm cộng thấp hơn; có thứ tự nguyện vọng cao hơn; có điểm môn Văn cao hơn.

5.2. Điểm cộng

Thí sinh được điểm cộng điểm thưởng, điểm xét thưởng theo khoản 5 Điều 8 của Quy chế tuyển sinh ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng của trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa – Vũng Tàu.

6. Tổ chức tuyển sinh

6.1. Tổ chức tuyển sinh thi Năng khiếu

- Những thí sinh đăng ký xét tuyển phải có kết quả thi Năng khiếu bằng một trong hai hình thức sau:

① Tham dự kỳ thi Năng khiếu (Đọc diễn cảm, Hát) năm 2026 do trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa – Vũng Tàu tổ chức.

② Sử dụng kết quả thi Năng khiếu năm 2026 do Trường Đại học Sư phạm TP.HCM, Trường Đại học Sài Gòn hoặc Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương TP.HCM tổ chức.

- Thí sinh được chọn kết quả thi Năng khiếu cao nhất giữa các Trường để nộp xét tuyển.

- Thời gian đăng ký dự thi Năng khiếu: Từ ngày ra thông báo đến hết ngày 13/6/2026.

- Thời gian hướng dẫn ôn thi năng khiếu: 08 giờ ngày 15/6/2026 bằng hình thức trực tuyến.

- Thời gian thi Năng khiếu: Ngày 17/6/2026.

- Địa điểm thi: Trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa – Vũng Tàu, số 689, đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Bà Rịa, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Nội dung chi tiết đăng ký dự thi Năng khiếu có trong thông báo của Trường.

6.2. Thời gian đăng ký xét tuyển

Đợt 1: Thời gian nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển: trước 17 giờ ngày 14/7/2026.

Đợt 2: Nếu còn chỉ tiêu, nhà trường sẽ thông báo kế hoạch cụ thể trên Website của nhà trường.

6.3. Hình thức đăng ký xét tuyển

Thí sinh phải thực hiện cả hai hình thức đăng ký sau đây:

- Đăng ký nguyện vọng xét tuyển vào Trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa – Vũng Tàu trên Hệ thống tuyển sinh chung của Bộ GDĐT theo kế hoạch tuyển sinh.

- Đăng ký trực tiếp tại Trường hoặc trực tuyến trên Website của Trường.

6.4. Hồ sơ đăng ký xét tuyển

a) Đăng ký trực tiếp hồ sơ gồm có:

- 01 phiếu đăng ký xét tuyển theo mẫu.
- 01 bản photo học bạ hoặc Giấy chứng nhận kết quả thi THPT.
- 01 bản photo Giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có).
- Giấy chứng nhận kết quả thi Năng khiếu (đối với thí sinh sử dụng kết quả thi năng khiếu do cơ sở đào tạo khác tổ chức).

b) Đăng ký trực tuyến trên Website của Trường

Thí sinh thực hiện khai báo đầy đủ, chính xác các thông tin vào Form đăng ký xét tuyển trực tuyến và tải các hình ảnh minh chứng phù hợp theo hướng dẫn.

6.5. Địa điểm nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển

- Địa chỉ: Phòng Đào tạo – Bồi dưỡng và Hợp tác Quốc tế (Phòng 301), Trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa – Vũng Tàu, số 689, đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Bà Rịa, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Điện thoại: 02543.826644

6.6. Xét tuyển

a. Nguyên tắc xét tuyển

- Theo Quy chế tuyển sinh ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng của trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Xét tuyển từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu.

b. Xác định điểm xét tuyển

Tổng điểm đạt được = ĐM1 + ĐM2 + ĐM3 + Điểm cộng

Điểm ưu tiên = $[(30 - \text{Tổng điểm đạt được})/7,50] \times \text{Mức điểm ưu tiên}$

Điểm xét tuyển = Tổng điểm đạt được + điểm ưu tiên

Trong đó:

ĐM1, ĐM2, ĐM3: lần lượt là điểm thi tốt nghiệp THPT (hoặc điểm học tập cấp THPT đã quy đổi) của môn Văn, Toán và điểm thi Năng khiếu theo thang điểm 10.

Mức điểm ưu tiên theo quy định của Bộ GDĐT.

Điểm xét tuyển được làm tròn đến hai chữ số thập phân.

Lưu ý khi sử dụng kết quả thi Năng khiếu do cơ sở đào tạo khác tổ chức:

- Nhà trường thực hiện quy đổi điểm thi Năng khiếu như sau:

Điểm thi Năng khiếu được công nhận tại Trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa – Vũng Tàu = Điểm trung bình của điểm thi Năng khiếu tại các cơ sở đào tạo khác.

- Thí sinh cần nộp bản sao có chứng thực Giấy báo kết quả hoặc Giấy xác nhận điểm thi Năng khiếu ngay sau khi có kết quả thi về trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa – Vũng Tàu.

6.7. Lịch tuyển sinh chung

Lịch tuyển sinh của Trường căn cứ theo lịch tuyển sinh chung của Bộ GDĐT.

7. Chính sách ưu tiên

Các đối tượng xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển được thực hiện theo Quy chế tuyển sinh ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng của Trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa – Vũng Tàu.

8. Mức thu dịch vụ tuyển sinh

- Lệ phí đăng ký dự thi Năng khiếu: 300.000 đồng/thí sinh.
- Lệ phí xét tuyển: theo quy định của Bộ GDĐT.

9. Cam kết của cơ sở đào tạo đối với thí sinh

Việc giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong các trường hợp rủi ro, cũng như trách nhiệm giải quyết việc thí sinh được chuyển đến hoặc chuyển đi do sai sót trong tuyển sinh được thực hiện theo Quy chế tuyển sinh ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng của Trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa – Vũng Tàu.

10. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành)

11. Thông tin về tuyển sinh của 02 năm gần nhất

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình đào tạo, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã chương trình đào tạo, ngành, nhóm ngành	Tên chương trình đào tạo, ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2024			Năm 2025		
						Số lượng	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	Số lượng	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét
1.	C52	Cao đẳng	51140201	Giáo dục Mầm non	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT/THPTQG.	120	118	23,25/30	72	69	
2.	C52	Cao đẳng	51140201	Giáo dục Mầm non	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ).			25/30			
3.	C52	Cao đẳng	51140201	Giáo dục Mầm non	Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế.						
4.	C52	Cao đẳng	51140201	Giáo dục Mầm non	Xét kết quả thi ĐGNLCB của ĐHSP TPHCM, ĐGNL của ĐHQG TPHCM tổ chức.			700/1200			
5.	C52	Cao đẳng	51140201	Giáo dục Mầm non	Kết hợp điểm thi tốt nghiệp THPT với điểm thi Năng khiếu để xét tuyển.			23,25/30			21/30
6.	C52	Cao đẳng	51140201	Giáo dục Mầm non	Kết hợp kết quả học tập cấp THPT (sau khi đã quy đổi tương đương năm 2025) với điểm thi Năng khiếu để xét tuyển.			25/30			21/30

Thông tin về cán bộ tuyển sinh

Trần Minh Hiếu
Điện thoại: 0978070446
Email: sven2082@gmail.com